

HỒNG DANH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT MA HA TÁT

Quán Thế Âm, tên phạn là Avalokite'svara được dịch âm là A phộc lô chỉ để thấp phạt la, A bà lô cát đế thước ba la...Xưa dịch là Quang Thế Âm hoặc Quán Thế Âm. Hiện nay dịch là Quán Thế Âm Tự Tại hay Quán Tự Tại.

AVA : có nghĩa là khắp mọi nơi

LOKITA : có nghĩa là nhìn thấy được khắp nơi

I'SVARA : có nghĩa là vị chúa tể , bậc có quyền hành xử mọi việc một cách tự do .

AVALOKITE 'SVARA : là vị Bồ Tát thực hành Trí tuệ Bát Nhã thâm sâu , quán sát đôi tượng **Đương Thế Tức Không** và không bị một chướng ngại bởi các yếu tố giả hợp tạo thành cái ảo tưởng của đương thế nên được gọi là Quán Tự Tại

Theo ý nghĩa khác , vị Bồ Tát này quán sát tất cả các Pháp tự do tự tại , tất cả công đức hợp với chúng sinh khiến cho họ xa rời bể khổ đạt đến sự an vui phỉ lạc nên Ngài được xem là “ **Bậc có uy lực xem xét và bảo hộ chúng sinh**” , do đó Ngài có tên là Quán Tự Tại .

Một danh từ khác của Bồ Tát này là LOKE' 'SVARA trong đó LOKA là thế gian và I'SVARA là Thế Tôn . LOKE SVARA là vị Bồ Tát quán rõ các Pháp thế gian là huyền hoá đồng thời điều dụng được toàn bộ Danh Pháp của thế gian một cách vô ngại nên đạt quả Tự Tại . Lại nữa, do Ngài quán biết căn cơ của chúng sinh nên sự giáo hóa được Tự tại . Vì vị Bồ Tát này có đầy đủ **BI TRÍ , LÝ SỰ** vô ngại nên có tên là Quán Tự Tại

Do vị Bồ Tát này lấy bản nguyện từ bi cứu giúp chúng sinh nên có tên là Đại Bi Tâm Bồ Tát (Mahà Karunika) .

Do cầm hoa sen là biểu tượng cho trí thanh tịnh hay diệu pháp nên có tên là Liên Hoa Thủ Bồ Tát (Padma Pani) .

Do quán sát và thực hành Pháp môn **Không Hai** nên có tên là Bất Nhị Bồ Tát

Do hành trì năm Pháp quán (*Chân quán , Thanh tịnh quán , Quảng đại trí tuệ quán , Bi quán , Từ quán*) mà hiện rõ ánh sáng thanh tịnh vô cấu nhiễm tức là ánh sáng của trí tuệ hay phá các ám tối phiền não nhờ đó mà hàng phục được Bản tâm cho nên mới có thể đem trí quang minh mà soi khắp các cõi để cứu khổ cho chúng sinh . Đây là biểu thị cho sự điều dụng , lợi tha , do vậy Ngài có tên là Quang Âm Bồ Tát .

Do công hạnh quán sát tất cả các tiếng kêu cứu của mọi chúng sinh trong cõi **Ta Bà** để kịp thời cứu độ nên Ngài có tên Quán Thế Âm Bồ Tát .

Do luôn hành trì công đức của Trí tuệ Bát Nhã nên có tên là Bát Nhã Bồ Tát (Prajna bodhisatva)

Do luôn đem lại sự không sợ hãi và ban cho sự an ổn đến các chúng sinh nên có tên là Thí Vô Uy giả (Abhayamda)

Trong bản Phạn của Kinh Pháp Hoa có ghi : “ Này thiện nam tử ! Vị Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát ấy ban sự không sợ hãi đến các chúng sinh đang lo lắng . Vì vậy trong thế giới Ta Bà này, vị ấy là Người ban cho sự không sợ hãi (*Thí Vô Uý giả*)

Do dùng ba Pháp **Văn , Tư , Tu** làm cho nhĩ căn viên thông nên có tên là Quán Thế Âm Bồ tát .

Trong Kinh Lăng Nghiêm quyển 6 có ghi : “ Về vô số kiếp xa xưa, có Đức Phật ra đời hiệu Quán Âm Như Lai . Tôi đến trước Đức Phật mà phát tâm Bồ đề rộng lớn . Đức Phật dạy tôi ba Pháp **Văn , Tư , Tu** có nghĩa là nghe lời giảng dạy, suy nghĩ kỹ lưỡng về đạo lý và theo đó thực hành để vào Tam ma đề (Samadhi) tức là nơi vắng vẻ rất ráo . Đức Phật khen tôi chứng được Pháp môn Viên Thông, liền ngay trong đại hội thọ ký cho tôi và ban hiệu là **Quán Âm** “

Trong Kinh A Di Đà quyển thượng, Kinh Vô lượng thọ quyển thượng và Kinh Quán Âm thọ ký đều dùng hồng danh **Thánh Quán Thế Âm** để chỉ vị Nhất Bồ Xứ Bồ Tát hầu cận Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc tại Tây phương của cõi Ta Bà . Vị Bồ Tát này thường phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh trong cõi Tịnh độ ấy .

Theo sự ghi nhận của Kinh Quán Âm Tam Muội và Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi thì Quán Âm Bồ Tát còn sức uy thần chẳng thể tư nghị, ở vô lượng kiếp trước đã thành Phật rồi, hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai** . Nay vì nguyện lực Đại Bi mới thị hiện thân Bồ Tát để cứu khổ chúng sinh .

Trong Kinh Pháp Hoa quyển 7 và Kinh Đại Nhật Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm quyển 6 có ghi : “ Vị Bồ Tát này ở khắp mọi nơi . Mọi đất nước . Hiện đủ loại thân tướng, ứng với căn cơ của chúng sinh để hóa độ cho nên còn gọi là 33 Ứng Hoá thân Bồ Tát . Các thân đó là :

A . BA VỊ ĐỊA THÁNH :

- 1 . Phật thân (Buddha)
- 2 . Bích Chi Phật thân (Pratyeka Buddha)
- 3 . Thanh Văn thân (Sravaka)

B . SÁU LOẠI CỦA THIÊN GIỚI :

- 1 . Đại Phạm Vương thân (Mahà Brahman)
- 2 . Đế Thích thân (‘ Sakra - Devanam - Indra)
- 3 . Tự tại Thiên thân (I’svara)
- 4 . Đại Tự tại Thiên thân (Mahà ‘svara)
- 5 . Thiên đại tướng quân thân (Senapati)
- 6 . Tỳ Sa Môn thân (Vai’sravana)

C . NĂM DÒNG TỘC CỦA NGOẠI ĐẠO :

- 1 . Tiểu Vương thân (Hinarya)
- 2 . Trưởng giả thân (Grihapati)
- 3 . Cư sĩ thân (Kulapati)
- 4 . Tế quan thân (Sasaka)
- 5 . Bà la môn thân (Brahman)

D . BỐN CHỦNG CỦA ĐẠO NỘI :

- 1 . Tỳ kheo thân (Busku).
- 2 . Tỳ kheo ni thân (Buksuni).
- 3 . Ưu bà tắc thân (Upsaka).
- 4 . Ưu bà di thân (Upsika).

E . SÁU CẤP CỦA PHỤ NỮ - TRẺ CON :

- 1) Trưởng giả phụ nữ thân (Grihapati bharya).
- 2) Cư sĩ phụ nữ thân (Kulapati bharya).
- 3) Tế quan phụ nữ thân (Sasaka bharya).
- 4) Bà la môn phụ nữ thân (Brahma bharya).
- 5) Đồng nam thân (Putra).
- 6) Đồng nữ thân (Kanya).

F . TÁM BỘ TRỜI RỒNG :

- 1) Thiên thân (Deva).
- 2) Long thân (Naga).
- 3) A tu la thân (Asura).
- 4) Dạ xoa thân (Yaska).
- 5) Càn sát bà thân (Gandharva).
- 6) Ca lâu la thân (Garudha).
- 7) Khẩn na la thân (Kim nara).
- 8) Ma hầu la già thân (Mahoraga).

G . MỘT THÂN THẦN :

Chấp Kim Cương thân (Vajrapàni).

Trong Ma Ha Chỉ Quán quyển 2 phần thượng có ghi 6 vị Quán Âm là các Hóa Tôn của lục đạo.

- 1) Đại Bi Quán Thế Âm : *Phá 3 chướng của nẻo Địa ngục.*
- 2) Đại Từ Quán Thế Âm : *Phá 3 chướng của nẻo Ngã quỷ.*
- 3) Sư Tử Vô Uy Quán Thế Âm : *Phá 3 chướng của nẻo Súc sinh.*
- 4) Đại Quang Phổ Chiếu Quán Thế Âm : *Phá 3 chướng của nẻo Tu la.*
- 5) Thiên Nhân Trượng Phu Quán Thế Âm : *Phá 3 chướng của nẻo Nhân gian.*
- 6) Đại Phạm Tấn Tật Quán Thế Âm : *Phá 3 chướng của nẻo Thiên giới*

Hệ Thai Mật của Nhật Bản nhận định 6 vị Quán Âm là :

- 1) Hóa Tôn địa ngục là Thánh Quán Âm
- 2) Hóa Tôn Ngã quỷ là Thiên Thủ Quán Âm
- 3) Hóa Tôn Súc sinh là Mã Đầu Quán Âm
- 4) Hóa Tôn Tu la là Thập Nhất Diện Quán Âm
- 5) Hóa Tôn Nhân gian là Bất Không Quyển Sách Quán Âm
- 6) Hóa Tôn Thiên giới là Như Ý Luân Quán Âm

Hệ Động Mật của Nhật Bản thì thay Bất Không Quyển Sách Quán Âm bằng Chuẩn Đề Quán Âm .

Hệ khác thì gộp chung các vị lại thành 7 vị Quán Âm

Trong Bất Không Quyển Sách thần biến chân ngôn còn đề xuất thêm các vị Quán Âm nữa là : Tứ Diện Đại Bi Quán Âm, Trừ Bạt Nạn Tiên Quán Âm, Bá Nga Mục Khư Quán Âm, Đại Phạm Thân Tướng Quán Âm, Quảng Đại Minh Vương Câu Xả Quán Âm .

Trong các Kinh khác còn ghi thêm một số Hồng danh nữa là : Hiện Âm Thanh Bồ Tát, Khuy Âm Bồ Tát, Viên Thông Đại Lực Sĩ ...

Trong Kinh Ngũ Bách Danh đề cử 500 danh hiệu Quán Âm .

Trong Chư Tôn chân ngôn nghĩa Sao có ghi tên 15 vị Quán Âm .

Sau này lại có 25 vị Quán Âm và 33 vị Quán Âm ... Hầu hết các bộ Quán Âm này thường không có căn cứ ở Kinh quĩ mà dựa vào tư tưởng hóa độ Lục đạo với tư tưởng 33 Ứng Hóa thân pha lẫn với tín ngưỡng dân tộc ở Trung Hoa, Nhật bản mà tạo ra

Hồng danh 33 vị Quán Âm là :

- 1) Dương Liễu Quán Âm
- 2) Long Đầu Quán Âm
- 3) Trì Kinh Quán Âm
- 4) Viên Quang Quán Âm
- 5) Du Hý Quán Âm
- 6) Bạch Y Quán Âm
- 7) Ngọa Liên Quán Âm
- 8) Long Kiến Quán Âm

- 9) Thi Lạc Quán Âm
- 10) Ngũ Lam Quán Âm
- 11) Đức Vương Quán Âm
- 12) Thủy Nguyệt Quán Âm
- 13) Nhất Diệp Quán Âm
- 14) Thanh Đầu Quán Âm
- 15) Uy Đức Quán Âm
- 16) Chúng Bảo Quán Âm
- 17) Nham Hộ Quán Âm
- 18) Năng Tĩnh Quán Âm
- 19) A Nậu Quán Âm
- 20) A Ma Đề Quán Âm
- 21) Diệp Y Quán Âm
- 22) Lưu Ly Quán Âm
- 23) Đa La Tôn Quán Âm
- 24) Cáp Ly Quán Âm
- 25) Lục Thời Quán Âm
- 26) Phổ Chiếu Quán Âm
- 27) Mã Lang Phụ Quán Âm
- 28) Hợp Chưởng Quán Âm
- 29) Nhất Như Quán Âm
- 30) Bất Nhị Quán Âm
- 31) Trì Liên Quán Âm
- 32) Sái Thủy Quán Âm
- 33) Diên Mệnh Quán Âm

Trong hệ thống Thuần Mật của Mật giáo thì Đức Quán Thế Âm Bồ Tát được nhận định qua nhiều hình tượng và danh từ khác nhau.

Căn cứ vào **Kim Cương Giới Man Đà La** (Vajra dhātu mandala) thì vị Bồ Tát này được nhận biết dưới danh hiệu **Kim Cương Pháp Bồ Tát** (vajra dharma bodhisatva) là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức Phật A DI ĐÀ ở phương Tây. Tôn này được sinh ra từ trí tuệ tại vô nhiễm của tất cả Như Lai nên nói rằng vị Bồ Tát này và Đức Phật A DI ĐÀ nguyên chỉ khác nhau về Nhân Quả, hễ tìm được Bản Giác tức đồng với Vô Lượng Thọ xong do Bản Thệ nên thị hiện thành Bồ Tát Đại Bi.

Tâm chú của Tôn này là : “ OM VAJRA DHARMA HRĪH “ và câu xưng tán là : “ **Nam mô Nhất Thiết Như Lai Trí Tuệ Môn Kim Cương Pháp Bồ Tát đấng xuất sinh tận hư không biến pháp giới nhất thiết Bà La Mật Bồ Tát Ma Ha Tát** “.

Trong Nhiếp Chân Thật kinh phần thượng thì ghi nhận Tôn này là **Kim Cương Nhân Bồ Tát** (Vajra Caksu Bodhisatva).

Căn cứ vào **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha dhātu mandala) thì vị Bồ tát này được an vị trong các viện : Trung Đài bát diệp viện, Biến Tri viện, Quán Âm viện,

Thích Ca viện, Văn Thù viện, Hư Không Tạng viện, Tô Tất Địa viện. Tùy theo vị trí được an lập, vị Bồ Tát này biểu thị cho các phẩm Đức khác nhau.

+ **Trong Trung đài bát diệp Viện** : Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Tịnh Đức** là Đức thứ tư trong 4 Đức *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*. Hoặc biểu thị cho hạnh chứng ngộ **Bồ Đề tâm** là một trong 4 hạnh của Như Lai là *Phát Tâm Bồ Đề, Tinh Tâm Bồ đề, Chứng Ngộ Tâm Bồ Đề, Nhập Tâm Bồ Đề*.

+ **Trong Biến Tri Viện** : Vị Bồ tát này được nhận biết qua danh hiệu **Chuẩn Đề Phật Mẫu** biểu thị cho **Tĩnh Đức** và là Mẫu của tất cả các Tôn thuộc **Liên Hoa Bộ** trong **PHẬT BỘ**.

+ **Tại Quán Âm Viện** : Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Đức Giải Thoát** là một trong 3 Đức của Niết Bàn là *Pháp thân đức, Bát nhã đức, Giải thoát đức*.

+ **Trong Văn Thù Viện** : Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Đức Quyền Trí**

+ **Trong Thích Ca Viện** : Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Đức Chân Tướng**

+ **Trong Hư Không Tạng Viện** : Vị Bồ Tát này được nhận biết qua danh hiệu **Thiên Thủ Quán Thế Âm**, biểu thị cho **Đức Pháp Tài**.

+ **Trong Tô Tất Địa Viện** : Vị Bồ Tát này được nhận biết qua danh hiệu **Thập Nhất Diện Quán Thế Âm**, biểu thị cho dụng của **TỬ BI**.

Ngoài ra trong Thai Tạng Giới Man Đà La còn liệt kê thêm nhiều vị Quán Âm tu trì Pháp Quán Âm.

* Trong Quán Âm Viện :

- **Bạch Y Quán Âm** (Pāndura Vāsini) Tôn này trú ở tâm Bồ Đề trắng tịnh nên xưng là Đại Bạch Y Quán Âm, Bạch Xứ Tôn Bồ Tát, Bạch xứ Quán Âm, Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu. Tôn này biểu thị cho **BỘ MẪU** của Liên Hoa Bộ hay sinh ra các Tôn thuộc Liên Hoa Bộ. Tôn tượng có một mặt hai tay. Tay phải duỗi các ngón ngửa ra hướng xuống dưới thành **Ấn Dĩ Nguyện**, tay trái co lại cầm cành hoa sen.

Ngoài ra còn có tượng 3 mặt 6 tay, phần nhiều là tượng nuôi con nít nên là đối tượng của những người cầu con. Do đó Tôn này còn có tên là **Tống Tử Quan Âm**.

- **Bạch Thân Quán Tự Tại** (‘sveta bhagavatī) Tôn này biểu thị cho sự tu tập Đại Bi trắng tịnh. Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho Đức thanh tịnh xưa nay, dùng sự tu hành thành tựu Đức ấy mà hiển Phật trí. Tay phải để ngang vai biểu thị cho sự phổ hóa chúng sinh.

- **Cát Tường đại Minh Quán Tự Tại** (‘sri mahā vidyā) Tôn này biểu thị cho sự chẳng nhiễm sinh tử, trong sạch không nhơ. Tức dùng Pháp môn thanh tịnh vô nhiễm phá trừ sự ưu ám của chúng sinh. Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho sự thanh tịnh vô cấu nhiễm, tay phải dựng đứng chưởng có 3 ngón *vô danh, giữa, trở* sao cho ngón trở vịn vào đốt thứ nhất của ngón cái, ngón út duỗi thẳng chỉ lên trên.

- **Đại Tỳ Cầu Bồ Tát** (Mahā pratisāra) Tôn này là thân biến hóa của Quán Thế Âm, thường tùy theo sự nguyện cầu của chúng sinh mà ban cho đầy đủ bản nguyện, do vậy mà có tên là Đại Tỳ Cầu.

Tôn hình có một mặt 8 tay, ngồi bán già trên tòa sen. Bên trái : Tay thứ nhất cầm hoa sen , bên trên hoa sen có bánh xe rục lửa, tay thứ hai cầm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, tay thứ ba cầm cây lọng Như Ý, tay thứ tư cầm vòng dây. Bên phải : Tay thứ nhất ngửa chưởng cầm Chày **Tam Cổ** đặt nằm ngang , tay thứ hai cầm cây kích có 3 lưỡi, tay thứ ba cầm cây búa, tay thứ tư cầm cây kiếm.

- **Mã Đầu Quán Âm** (Hayagriva) Tôn này là một hiện thân của Quán Thế Âm với hình dáng to lớn , tóc dựng đứng lên, đôi mắt đầy phần nộ. Tôn tượng có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt. Hiện tướng lộ 2 nanh cong lên hai bên mép miệng. Trên đỉnh trán của mặt chính có hình vị Hóa Phật, và đội đầu con ngựa ngay giữa đỉnh . Do đó Tôn này có tên là Quán Âm Đầu Ngựa (*Mã Đầu Quán Âm*).

Tôn này có đầy đủ tính cách của một vị Minh Vương nên được kể vào 8 đại Minh Vương và gọi là Mã Đầu Minh Vương. Tôn này do nhân Đại Bi nên không trú ở Niết Bàn mà trụ trong cảnh giới Vô minh để đoạn tận các nẻo ác. Nói cách khác, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu là để tượng trưng cho sức tinh tiến của các vị Bồ Tát không bao giờ ngưng nghỉ ở bất cứ chỗ nào trong vòng sinh tử , cương quyết anh dũng đánh dẹp *vô minh khổ não* chẳng kể đến thân mệnh mình. Vì thế Tôn này có mặt hiệu là **Tấn Tốc Kim Cương**

- **Bất Không Quyển Sách Quán Âm** (Amogha pa'sa) Tôn này do tâm nguyện **Bất Không** nên xưng là Bất Không . Quyển Sách tượng trưng cho lưới bắt chim dùng cứu độ tất cả chúng sinh trong Đại Thiên thế giới .

Theo Ý nghĩa khác, Bất Không là **Chuẩn**, Quyển Sách là **Đề** và **Chuẩn Đề** (Cundhe) tượng trưng cho tâm tính thanh tịnh ('suddhe) nên ba danh tự Bất Không Quyển Sách, Chuẩn Đề và Thanh Tịnh Quán Âm bằng **Chuẩn Đề quán Âm**

Tôn tượng có 3 mặt 4 tay, mỗi mặt có 3 mắt . Mặt chính diện màu thịt, mặt bên phải màu xanh, mặt bên trái màu đen . Ba mặt biểu thị cho 3 Đức . *Bên trái* : Tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm dây lựu, *bên phải* : tay thứ nhất cầm tràng hạt, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.

-**Như Ý Luân Quán Âm** (Cinta mani chakra)

Cinta : Là Như ý bảo châu

Chakra : Là pháp luân

Tôn này trụ ở Như ý bảo châu Tam Muội , chuyển Pháp luân cứu độ chúng sinh trong lục đạo thoát khỏi khổ não và hay làm cho tất cả chúng sinh được thành tựu ước nguyện , vì thế Ngài được hợp xưng là **Cứu Khổ Cứu nạn Cứu Thế Bồ Tát**

Tôn này có 6 tay, toàn thân màu vàng, trên đầu kết báu quanh đỉnh tóc biểu thị sự trang nghiêm. Trong mão có Đức Phật A Di Đà trụ tướng thuyết pháp . *Bên phải* : tay thứ nhất nâng mặt làm dạng suy tư biểu thị cho sự mãn niệm chúng hữu tình, tay thứ hai cầm báu Như ý biểu thị cho sự làm mãn túc ước nguyện của tất cả chúng sinh . Tay thứ ba cầm Tràng hạt biểu thị cho sự cứu khổ chúng sinh . *Bên trái* : Tay thứ nhất duỗi thẳng xuống ấn núi Quang Minh biểu thị cho sự khiến chúng sinh chẳng dao động

Tín hạnh, tay thứ hai cầm hoa sen biểu thị cho sự hay trừ các phi pháp, tay thứ ba cầm bánh xe biểu thị cho sự chuyển pháp Vô Thượng.

Tôn này thường dạo chơi trong lục đạo, dùng phương tiện Đại Bi giải trừ các khổ não cho chúng sinh.

- **Bì Diệp Y Quán Âm** (Pàlāsambari) Tôn này là một thân biến hóa của Quán Thế Âm, chuyên trừ các loại bệnh tật, cầu trường thọ, đảo bệnh, an trấn phòng ốc . Tôn này có 2 tay : Tay trái cầm dây lụa, tay phải cầm hoa sen mới nở.

- **Đa La Bồ tát** (Tàrà) **Tàrà** là con mắt hay con mắt tinh diệu . Tôn này là một thân Hóa hiện của Quán Thế Âm được sinh ra bởi ánh quang minh phóng ra từ mắt của ngài. Tôn này luôn nhìn tất cả chúng sinh giống như bà mẹ hiền theo dõi chăm sóc con thơ. Mục đích của Ngài là cứu độ chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử. Do chủ về hai Đức đại Bi và hàng phục nên Tôn này được xem là **Phật Mẫu** của Liên Hoa Bộ.

Tôn hình có hai tay chấp lại để ngang ngực , trên đỉnh đầu hiện Đức Phật A Di Đà đang trụ tướng thuyết pháp.

Một Hóa thân của Thánh Mẫu Tàrà là **Tỳ Lý Câu Đề Bồ Tát** (Bhrkuti) Tôn này là chủ về sự kính vâng theo Pháp Cứu độ thanh tịnh và nhằm chặn đứng sự tàn phá của trí Đại Không để hoàn thiện phước báu diệu hữu. Tôn hình có búi tóc hình mũ giống như đất giữ gìn vạn vật , chung quanh kết bởi các báu, chính giữa có hình Đức Phật A Di Đà trụ tướng thuyết pháp . Điều này biểu thị cho sự kính vâng theo Trí Tuệ Phổ Môn của Như Lai để hoàn thiện phước đức .Thân hình có 4 tay. *Bên phải* : Tay thứ nhất rũ xuống thành **Ấn Dữ Nguyện** , tay thứ hai co ngửa lên cầm Tràng hạt .*Bên trái* : tay thứ nhất co lên cầm hoa sen ,tay thứ hai cầm Bình Quân Trì.

-**Thủy Cát Tường Bồ Tát** (Arya Ryudaka' sri) Tôn này được xem là quyến thuộc của Đa La Bồ Tát . Tôn hình màu vàng lợt , tay trái dựng đứng bàn tay, co 3 ngón : cái, trỏ, giữa lại, cầm hoa sen mới nở biểu thị cho phương tiện Đại Bi hay làm cho muôn điều lành tốt đẹp thêm lên . Tay phải duỗi các ngón xuống dưới thành **Ấn Dữ Nguyện** biểu thị cho sự làm thỏa mãn các nguyện của chúng sinh.

* Trong Hư Không Tạng Viện

-**Thiên Thủ Quán Âm Bồ tát** (sahasra bhujā avalokite' svara) Tôn hình màu vàng, có 27 mặt, 1000 tay mỗi tay có một con mắt nên gọi là **Thiên Thủ Thiên Nhân**. Ngàn tay ngàn mắt tượng trưng cho phạm vi cứu độ của Ngài với phương pháp rộng lớn vô biên . Thật ra tôn tượng chỉ có 42 tay, hai tay chính giữa chấp lại, hai bên phải trái mỗi bên có 20 tay. 40 tay này mỗi tay cứu độ 25 giới chúng sinh nên tổng cộng là 1000 tay . Quyển thuộc của Tôn này là Bà tẩu Tiên Nhân, Phong Thần, Lôi Thần với chúng Bát bộ.

- **Phẫn Nộ Câu Quán Tự Tại Bồ Tát** (Amogha krodhā jñā' sa Raja) Tôn hình có 3 mặt 4 tay, mỗi mặt có 3 mắt, trên trái mỗi mặt có một vị Hóa Phật đỉnh đầu có một vị Bồ Tát ngồi kiết già, hai tay cầm hai cây kiếm. *Bên phải* : Tay thứ nhất co lên cầm **Phẫn Nộ Tam Xoa Câu** , tay thứ hai co cánh tay duỗi ngửa các ngón hướng

xuống. *Bên trái* : tay thứ nhất co lên cầm hoa sen , tay thứ hai duỗi ngửa cầm dây lụa. Tôn này chủ về sự hàng phục ma chướng.

- **Bất Không Câu Quán Tự Tại** (Aryàmogha jnā sa) Tôn hình có 3 mặt 4 tay, mỗi mặt có 3 mắt, trên mỗi đỉnh trán có một vị Hóa Phật , hai mặt hai bên màu xanh . *Bên phải* : tay thứ nhất nâng cánh tay cao lên cầm **Tam Cổ Câu**, tay thứ hai rũ ngửa cầm **Tam Cổ Chử** . *Bên trái* : tay thứ nhất co lại cầm hoa sen bên trên có móc câu, tay thứ hai hạ xuống dựng đứng bàn tay cầm vòng dây (*Luân sách*). Tôn này chủ về sự Cậu triệu, dẫn nhiếp chúng sanh vào Phật đạo.

* Trong Tô Tất Địa Viện :

- **Thập Nhất Diện Quán Âm** (Edaka' sa mukha avalokite' svara). Tôn hình có 11 mặt và 4 tay. Mặt chính có 2 mặt hai bên, phía trên có 5 mặt và trên cùng có 3 mặt . 11 mặt này biểu thị cho 11 Địa của **Phật quả**. *Bên phải* : tay thứ nhất dựng đứng bàn tay co ngón vô danh , tay thứ hai hạ xuống ngửa lòng bàn tay co ngón trở. *Bên trái* : tay thứ nhất dựng đứng bàn tay co hai ngón trở, ngón giữa cầm hoa sen , tay thứ hai rũ xuống ngửa bàn tay co 4 ngón lại cầm Táo bình .

Ngoài các mục ghi trên đây. Phật giáo còn ghi nhận thêm 4 vị Bồ Tát Đa La tu trì thành tựu Pháp Quán Âm là:

① **Thanh Cảnh Quán Âm** (Nilakanthi) Tôn này có 4 tay hoặc 2 tay. Niệm Tôn này có thể giải thoát được tất cả sự sợ hãi ách nạn.

② **Hương Vương Quán Âm** (Gandha rāja) Tôn này có 2 tay. Tay phải duỗi trên gối thành tay **Thí Vô Úy**, tay trái co khuỷu tay cầm hoa sen . Tôn này hay giáng mưa **Cam lộ** bố thí cho chúng sinh trong 5 đạo.

③ **A Ma Hai Quán Âm** (Abhetti) Tôn này có tên là **Vô Úy Quán Tự Tại** . Tôn tượng có 3 mặt 4 tay ngồi trên lưng con sư tử trắng. Niệm Tôn này có thể mãn túc các nguyện , đắc túc mệnh trí, được chúng sinh yêu quý, chứng đắc Tất Địa.

④ **Thủy Nguyệt Quán Âm** (Daka cadra) Tôn này có hai tay, tay trái cầm bấu **Như Ý**, tay phải kết ấn **Đữ Nguyệt** . Tôn này đồng thể với Thủy Cát Tường Bồ Tát. Niệm Tôn này có thể đầy đủ tất cả ước nguyện một cách mau chóng.

Tóm lại , do nhân ứng hóa các phương mà danh hiệu và hình tượng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có nhiều tướng trạng khác nhau. Thông thường người ta dùng hồng danh **Chính Quán Âm** để chỉ Đức Quán Âm bản nhiên . Hình tượng của Ngài rất tự do không có quy định theo đặc tính nào cả.

Hồng danh **Thánh Quán Âm** dùng để chỉ Đức Quán Âm cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát theo hầu cận Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc và xưng là **Tây Phương Tam Thánh** .

Hồng danh **Quán Tự Tại Bồ Tát** dùng để chỉ các bậc Giác hữu tình đang tu hành pháp môn **QUÁN CHIẾU THẬT TẠI** để hoàn thành Tuệ giác siêu việt, hoặc danh hiệu này dùng để chỉ vị Bồ Tát ở cảnh **Lý Sự Vô Ngại**, quán đạt tự tại.

Hồng danh **Quán Thế Âm Bồ Tát** dùng để chỉ các bậc Giác hữu tình đang thực hành pháp môn **VIÊN THÔNG NHĨ CĂN** để hoàn thành 4 tâm vô lượng **TỪ, BI, HỖ, XẢ**.

Hoặc danh hiệu này dùng để chỉ vị Bồ Tát dùng bản nguyện **Từ Bi** quan sát âm thanh cầu cứu của tất cả chúng sinh trong Đại Thiên thế giới mà nhanh chóng hiện thân đến cứu tế ách nạn.

Tôn tượng của vị Bồ Tát này đều có một mặt hai tay và có màu thịt trắng hay màu vàng ròng. Còn các Tôn tượng và danh hiệu khác đều là thân thị hiện theo lực dụng của Pháp thân biến tự tại nên mỗi mỗi đều có ý nghĩa và nghi quỹ riêng biệt.